

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2020/DSPT

Ngày: 03/7/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản, hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Triều**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em.**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam**, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 6 đến ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2020/QĐPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1958; (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 199/1A, tổ 12, khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:*

1/ Bà **Trương Thị Phương D**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 172/1, Thái Thị Kiều, khu phố 2, phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông **Phạm Trung D1**, sinh năm 1975; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 137, đường Lê Thị Lê Chi, Ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Phạm Trung D1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 137, đường Lê Thị Lê Chi, Ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Trương Thị Phương D** “Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 5 năm 2019”. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Phạm Đức N**, sinh năm 1980; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 199/1A, tổ 12, khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1957; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 199/1A, tổ 12, khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thanh H – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Bùi Trung T1** – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện G, Tiền Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 61B, Nguyễn Văn Côn, khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Do có kháng cáo của: Bị đơn bà **Trương Thị Phương D**, sinh năm 1987;

NỘI D VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/7/2019, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày: Vào ngày 09/7/2018 ông Phạm Văn L đi công việc ở Hà Nội không có ở nhà, nên ông L có kêu con của ông là anh Phạm Đức N thay ông làm giấy bán xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, somi rơ móc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L với giá là 1.070.000.000 đồng cho bà Trương Thị Phương D và anh N có ký vào giấy bán xe là người nhận cọc. Sau đó phía ông L có làm lại giấy bán xe cho bà D cũng ghi trùng ngày làm giấy trước đây là ngày 09/7/2019. Đến ngày 29/10/2018 ông Phạm Văn L và vợ là bà Võ Thị T tiếp tục làm hợp đồng mua bán tài sản để bán cho bà Trương Thị Phương D Rơ móc nhãn hiệu CIMC,

màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móoc, somi rơ móoc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L. Phía bà D có trả cho phía ông L và bà T được số tiền là 360.000.000 đồng thì ngưng không trả tiếp, phía ông L có yêu cầu bà D trả tiếp số tiền còn lại để ông L trả cho Ngân hàng để rút giấy tờ ra làm thủ tục sang tên cho bà D, nhưng bà D không trả tiền tiếp. Nay ông L yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản (giấy bán xe) lập ngày 09/7/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L với bà Trương Thị Phương D và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 29/10/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L, bà Võ Thị T với bà Trương Thị Phương D. Buộc bà Trương Thị Phương D có trách nhiệm trả lại cho ông L chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móoc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móoc, somi rơ móoc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L. Do phía bà D không trả tiền đủ và tài sản trên đang thế chấp cho Ngân hàng. Khi bán tài sản trên ông L có nói cho bà D biết là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền và phía bà D cũng có đến Ngân hàng để hỏi. Do giấy tờ bản gốc đối với Rơ móoc mang biển số 63R-004.96 Ngân hàng không giữ, nên ông L và bà T mới ra công chứng làm hợp đồng mua bán tài sản cho phía bà D. Ông L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Trung D1, yêu cầu bà Trương Thị Phương D trả số tiền lãi là 100.000.000 đồng. Phía ông L cũng đồng ý cùng với vợ là bà Võ Thị T đứng ra trả nợ vay theo yêu cầu của phía Ngân hàng. Đối với tài sản mà ông L tranh chấp với bà D trong hợp đồng mua bán tài sản, phía bà Trương Thị Phương D đang quản lý, sử dụng hiện nay không biết rõ là ở đâu, nên phía ông L không cung cấp được cho Tòa án, để T1 hành làm các thủ tục thẩm định, định giá tài sản tranh chấp.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị Phương D, ông Phạm Trung D1; ông D1 cũng là đại diện theo ủy quyền của D trình bày:* Phía bà D có làm hợp đồng với vợ chồng ông L và bà T để mua chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móoc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móoc, somi rơ móoc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L với giá là 1.070.000.000 đồng, bà D có trả cho vợ chồng ông L nhiều lần tổng cộng số tiền là 985.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền là 85.000.000 đồng, nhưng phía ông L không trả tiền cho phía Ngân hàng để lấy giấy tờ ra làm thủ tục sang tên cho phía bà D. Khi mua xe bà D cũng biết tài sản trên vợ chồng ông L đang thế chấp Ngân hàng để vay tiền, nên có đến Ngân hàng để hỏi thì mới biết phía ông L thế chấp Ngân hàng để vay số tiền là 1.300.000.000 đồng mà bán giá 1.070.000.000 đồng, nên mới nghĩ là bị lừa. Nay bà D không đồng ý hủy hợp đồng theo yêu cầu của phía ông L mà yêu cầu ông L và bà T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nếu Tòa án xét xử huỷ hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 09/7/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L với bà Trương Thị Phương D và hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 29/10/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L, bà Võ Thị T với bà Trương Thị

Phương D thì phía bà D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng trong vụ án này; nếu sau này có tranh chấp thì bà D sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Việc mua bán xe giữa bà D với ông L và bà T là do các bên làm hợp đồng mua bán với nhau, tiền mua xe là do bà D đứng ra trả, nên ông D1 không liên quan gì đến việc mua bán xe nói trên. Tài sản nói trên hiện nay bà D đã bán cho người khác, nhưng ông D1 tại phiên tòa hôm xác định là không yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa người mà bà D bán xe vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông D1 khẳng định là sẽ không cung cấp họ tên, năm sinh và địa chỉ đối với người mà bà D đã bán xe cho Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục việc xét xử vụ án.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có đại diện theo ủy quyền ông Bùi Trung T1 trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 1701 MX88 (6905-LAV-201706415) ngày 08/8/2017 thì ông Phạm Văn L là người đứng vay còn bà Võ Thị T là đồng sở hữu trong việc thế chấp tài sản để vay của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam tại Chi Nhánh G số tiền là 1.200.000.000 đồng, mục đích vay để mua 01 xe đầu kéo, 01 somi rơ móc tải cỡ cò 40 feet và 01 thùng container lạnh 40 feet, máy lạnh, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay là 72 tháng, nhận tiền vay vào ngày 08/8/2017. Sau khi vay phía ông L và bà T có trả cho Ngân hàng được số tiền vốn là 300.000.000 đồng tính đến ngày 08/8/2019 thì ngưng không trả tiếp; cho đến ngày 25/11/2019 thì ông L và bà T tiếp tục trả vốn là 100.000.000 đồng, tổng cộng trả vốn được số tiền là 400.000.000 đồng, nên Ngân hàng cho ông L và bà T tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nay phía Ngân hàng xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay này.*

Theo hợp đồng tín dụng số 1701 MX238 (6905-LAV-201706565) ngày 23/8/2017 thì ông Phạm Văn L là người đứng vay còn bà Võ Thị T là đồng sở hữu trong việc thế chấp tài sản để vay của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam tại chi Nhánh G số tiền là 1.300.000.000 đồng, mục đích vay để mua 01 xe đầu kéo, 01 somi rơ móc tải cỡ cò 40 feet và 01 thùng container lạnh 40 feet, máy lạnh, với lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay là 72 tháng, nhận tiền vay vào ngày 23/8/2017. Sau khi vay phía ông L và bà T có trả cho Ngân hàng được số tiền vốn là 200.000.000 đồng tính đến ngày 23/02/2019 thì ngưng không trả tiếp vốn và lãi, tính đến ngày xét xử phía ông L và bà T nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 1.265.131.939 đồng (trong đó vốn vay là 1.100.000.000 đồng và lãi 165.131.939 đồng). Nay phía Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu phía ông Phạm Văn L và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh huyện G, Tiền Giang tổng cộng số tiền 1.265.131.939 (trong đó vốn vay là 1.100.000.000 đồng và lãi 165.131.939 đồng) của hợp đồng tín dụng số 1701 MX238 (6905-LAV-201706565) ngày 23/8/2017. Xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay còn nợ 800.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 1701 MX88 (6905-LAV-201706415) ngày 08/8/2017. Nếu ông L và bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số

1701MX238 ngày 23/8/2017 yêu cầu đưa ra phát mại bán đấu giá để ưu tiên thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Phía Ngân hàng cũng có yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 09/7/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L với bà Trương Thị Phương D và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 29/10/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L, bà Võ Thị T với bà Trương Thị Phương D; lý do tài sản mà ông L và bà T đã bán cho bà D, phía ông L và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 1701MX238 ngày 23/8/2017 để vay số tiền là 1.300.000.000 đồng. Đối với tài sản trong hợp đồng thế chấp số 1701MX238 ngày 23/8/2017, hiện nay Ngân hàng không biết rõ tài sản này ai là người đang quản lý sử dụng, nên phía Ngân hàng không cung cấp được cho Tòa án để T1 hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ như sau:* Anh N là con của ông Phạm Văn L. Theo anh N việc mua bán xe là do phía cha anh là ông L và phía bà D hai bên thỏa thuận với nhau, anh N có ký trong giấy bán xe chỗ người nhận tiền cọc là nhận thay cho cha anh; do lúc đó cha anh đang ở Hà Nội, nên cha anh có kêu anh làm giấy bán xe thay cho cha anh và nhận tiền cọc. Cho nên, việc tranh chấp hợp đồng mua bán xe là do cha anh quyết định, anh N không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các điều 117, 123, 131, 132, 430; các điều 280, 292, 299, 301, 303, 304, 308, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông Phạm Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Trung T1.

Hủy hợp đồng mua bán tài sản (giấy bán xe) lập ngày 09/7/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L với bà Trương Thị Phương D và hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 29/10/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L, bà Võ Thị T với bà Trương Thị Phương D. Buộc bà Trương Thị Phương D có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn L và bà Võ Thị T chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, somi rơ móc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Trung T1.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh huyện G, Tiền Giang tổng cộng số tiền là 1.265.131.939 đồng (trong đó vốn vay là 1.100.000.000 đồng và lãi 165.131.939 đồng) của khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 1701 MX238 (6905-LAV-201706565) ngày 23/8/2017.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc khởi kiện đối với ông Phạm Trung D1, yêu cầu bà Trương Thị Phương D trả số tiền lãi là 100.000.000 đồng.

Ông L có quyền khởi kiện lại nội D đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Trung T1 về việc yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Võ Thị T trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 1701 MX88 (6905-LAV-201706415) ngày 08/8/2017.

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có quyền khởi kiện lại nội D đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/12/2020 bị đơn Trương Thị Phương D kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu: Xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 09/7/2018 và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản ngày 29/10/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội D vụ án: Đề Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 111/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn L, bị đơn ông Phạm Trung D1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Thị Phương D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Trung T1 có mặt, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức N, bà Võ Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Đức N, bà Võ Thị T.

[2] Xét thời hiệu kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị Phương D kháng cáo còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ tranh chấp ông Phạm Văn L kiện bị đơn bà Trương Thị Phương D và ông Phạm Trung D1 kiện yêu cầu Hủy hợp đồng mua bán tài sản (giấy bán xe) lập ngày 09/7/2018 và 29/10/2018 được giao kết giữa ông Phạm Văn L với bà Trương Thị Phương D, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh G kiện yêu cầu ông Phạm Văn L cùng bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh huyện G, Tiền Giang tổng cộng số tiền là 1.265.131.939 đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội D kháng cáo Bị đơn bà Trương Thị Phương D có đơn kháng cáo là không đồng ý hủy hợp đồng mua bán xe ngày 09/7/2018 và 29/10/2018 giữa ông Phạm Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà D cho rằng không đồng ý hủy hợp đồng vì xe này ông L đã giao cho bà D và bà D đã chuyển cho ông L số tiền 985.000.000đồng, phía ông L cho rằng chỉ có nhận 360.000.000đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án lời trình bài của các đương sự cho thấy vào ngày 09/7/2018 và 29/10/2018 giữa ông Phạm Văn L bà Võ Thị T với bà Trương Thị Phương D có lập hợp đồng mua bán chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, sơmi rơ móc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L giá thỏa thuận đôi bên là 1.070.000.000đồng, theo lời trình bài của ông L thì bà D đã giao cho ông số tiền 360.000.000đồng, còn phía đại diện theo ủy quyền của bà D trình bài là bà D đã giao cho ông L nhiều lần với số tiền 985.000.000đồng, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là giấy giao nhận số tiền 360.000.000đồng. Hợp đồng mua bán xe được chứng thực tại văn phòng công chứng huyện G. Tuy nhiên trong thời gian ông L bà T bán xe cho bà D thì toàn bộ số tài sản này là chiếc xe đầu kéo nhãn hiệu International, biển số đăng ký 63C-104.96, số máy 5HM2Y4145013, số khung SJR7DN168343, tải trọng 15.056 kg do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L và Rơ móc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, sơmi rơ móc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh huyện G, Tiền Giang để vay số tiền 1.300.000.000đồng, theo hợp đồng tín

dụng số 1701 MX238 (6905-LAV-201706565) ngày 23/8/2017 thì ông Phạm Văn L là người đứng vay còn bà Võ Thị T là đồng sở hữu, do trong thời gian vay phía ông L chỉ trả được số tiền 200.000.000đồng tiền vốn còn lại 1.100.000.000đồng và lãi phát sinh là 165.131.939 đồng đến nay chưa trả, do đó Ngân hàng khởi kiện trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, cấp thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông L bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh huyện G, Tiền Giang số tiền vốn vay là 1.100.000.000đồng và lãi là 165.131.939 đồng,

Đối với hợp đồng mua bán xe bà D kháng cáo không chấp nhận hủy hợp đồng, Qua xem xét các chứng cứ thể hiện cho thấy việc giao dịch mua bán xe giữa ông L bà T và bà D có xảy ra và trên cơ sở hợp đồng công chứng giao dịch mua bán Rơ móc nhãn hiệu CIMC, màu sơn vàng, số khung 2382H1034639, biển số 63R-004.96 theo giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, somi rơ móc số 000664 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/8/2017 đứng tên ông Phạm Văn L với số tiền 200.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh D1 trình bày rằng nếu hủy hợp đồng mua bán xe này ông yêu cầu ông L phải hoàn trả số tiền mà bà D đã giao, cấp sơ thẩm đại diện ủy quyền của ông D1 là anh Nguyễn Hoàng Anhh cũng có yêu cầu này nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, Ngoài ra căn cứ vào các biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải trong suốt quá trình tố tụng bà Trương Thị Phương D ủy quyền cho anh D1 và anh D1 vắng mặt và cũng không có đơn hoặc tờ tự khai gì thể hiện là không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch hợp đồng mua bán xe này, tại phiên tòa sơ thẩm anh D1 có mặt nhưng trong biên bản phiên tòa không có ý kiến gì thể hiện anh D1 và ông L có thỏa thuận không yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự mua bán xe này nhưng bản án sơ thẩm lại nhận định “ông L và bà D chỉ yêu cầu Tòa án xem xét về hiệu lực của hợp đồng, còn số tiền giao dịch giữa hai bên các bên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết” cho thấy bản án nhận định một cách chủ quan ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và chưa giải quyết triệt để vụ án

Do bản án sơ thẩm đã vi phạm về nội D chưa giải quyết triệt để vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được do đó cần hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại từ đầu.

Do hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Phương D.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm, bà Trương Thị Phương D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án thụ lý số thụ lý số: 230/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản” về cho Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

- Bà Trương Thị Phương D không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000304 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

- Án phí sơ thẩm của các đương sự được xem xét lại khi giải quyết án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 ngày 03/7/2020 có mặt ông L, anh T1, vắng mặt anh D1.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX Cai Lậy;
- CCTHADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Triều